TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NK** **THÀNH PHỐ CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNST

Ngày: 28/02/2020

Vụ án: *"Tranh chấp ly hôn "*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *PhạmThị Thiện*.

2. Bà *Hồ Thị Kim Luyến*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK, thành phố CT tham gia phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Bích Trâm* – Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 605/2019/TLST- HN ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXX-HN ngày 05/02/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 166/7 tổ 4, hẻm 1, khu vực 4, phường An Khánh, quận NK, thành phố CT.

* Bị đơn: Ông **Vũ Thanh Th**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 166/7 tổ 4, hẻm 1, khu vực 4, phường An Khánh, quận NK, thành phố CT.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn – bà Phạm Thị L trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà và ông Vũ Thanh Th tự tìm hiểu vào năm 2008 và tiến tới hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận NK, thành phố CT vào ngày 18/09/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng khoản 04 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông Th không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế, chăm lo cho gia đình và thường xuyên gây ra nợ nần dẫn đến vợ chồng cự cãi, bất đồng quan điểm sống nên đời sống chung không hạnh phúc, bà đã trao đổi nhiều lần với ông Th nhưng vẫn không thay đổi. Cả hai đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không mang lại kết quả, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên bà yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà ông Th.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Minh Tr (Nam), sinh ngày 10/4/2004. Khi ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thuận thỏa, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Vũ Thanh Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân giống như lời trình bày của bà L. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì đồng ý vì tình cảm thật sự không còn.

- Về con chung: Có 01 con giống như bà L trình bày, trong quá trình hòa giải lần đầu thì ông Th yêu cầu được nuôi con, sau khi cháu Tr có tự khai xin được ở với mẹ. Tại biên bản hòa giải lần hai, ông Th đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập xây dựng nhà trên đất tọa lạc tại 166/7 tổ 4, hẻm 1, khu vực 4, phường An Khánh, quận NK, thành phố CT nay yêu cầu bà L trả giá trị 120.000.000 đồng (Một trăm

hai mươi triệu đồng) cho ông thì ông đồng ý giao toàn bộ nhà và đất nói trên cho bà L.

- Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th vì hiện nay tình cảm đã không còn, cả hai đã ly thân một thời gian dài. Về con chung thì được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Bị đơn ông Th xác định: Đối với yêu cầu ly hôn của bà L thì đồng ý, về con chung thống nhất giao con cho bà L nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng(Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành, tài sản chung thì do điều kiện công việc Tòa án đã cho thời gian để nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung cùng các tài liệu liên quan nhưng chưa thực hiện, nay vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện kiểm sát đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác định là có mâu thuẫn và tình cảm không còn, ông Th cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Tr cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sống, hoàn cảnh sống và tâm sinh lý cho con, ghi nhận việc ông Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết**: Bà L và ông Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, bị đơn ông Th có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận NK, thành phố CT nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà L và ông Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải vả và thời gian kéo dài. Mặc dù, ông bà nhiều lần tìm cách hàn gắn, sửa đổi nhưng không mang lại kết quả. Nay bà L thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Ông Th có bản tự khai và trong các lần hòa giải cũng trình bày về việc mâu thuẫn của vợ chồng là có nên thống nhất ly hôn với bà L. Vì vậy, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

[3] **Về con chung**: Có 01 con chung tên Vũ Minh Tr (Nam), sinh ngày 10/4/2004. Ghi nhận việc các đương sự thống nhất giao con cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng con, tuy bà L không yêu cầu cấp dưỡng nhưng tại phiên tòa ông Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của ông Th phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[4] **Về tài sản chung**: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] **Về nợ chung**: Không có.

[6] **Về án phí sơ thẩm**: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Phạm Thị L đối với ông Vũ Thanh Th.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Minh Tr (Nam), sinh ngày 10/4/2004. Các đương sự thống nhất giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Th không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001787 ngày 17/09/2019 thành án phí. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ***Nơi nhận:***

+ VKSND Q. NK;
+ Chi Cục THADS Q. NK;
+ UBND phường An Hòa, Q. NK ,TP. CT;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ HỒNG GẤM